

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 08 đến 14/5/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<p><i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: phổ biến 50-80mm, có nơi trên 100mm như Than Uyên (Lai Châu) 106.7mm, Hoài Đức (Tp. Hà Nội) 102.8mm...</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 81%.</p> <p>+ Trên sông Lô: dòng chảy tại trạm Tuyên Quang nhỏ hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 79%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 12%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua xấp xỉ TBNN cùng kỳ.</p>
<p><i>b. Dự báo, cảnh báo</i></p>
<p>+ Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.</p>
<p>- Tổng lượng dòng chảy:</p> <p>+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ít thay đổi và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%.</p> <p>+ Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ lớn hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 64%.</p> <p>+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm nhẹ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 17%.</p> <p>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm theo ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 15%.</p>

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 70mm như Đình Lập (Lạng Sơn) 70.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy có dao động; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 433%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 48%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 121%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-80mm, có nơi trên 100mm như Quỳnh Châu (Nghệ An) 112.3mm, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 175.7mm, Huế (Tp. Huế) 120.8mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: + Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa và Nghệ An tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 14%, sông Cả tại trạm Yên Thượng, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt xấp xỉ TBNN, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diêm thấp hơn khoảng 90%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 410%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 40mm.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 19%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 6%, sông Ngân Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 21%, sông Ngân Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 87%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 385%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 20mm như Sơn Hòa (Đắk Lắk) 29.7mm, Cam Ranh (Khánh Hòa) 26.3mm,...

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 26% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang xấp xỉ TBNN.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 20%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 70%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 17%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 48%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 66%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ TP Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%, trên sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 75% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn so với TBNN 25%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-20mm, có nơi trên 40mm như Trị An (Đồng Nai) 47.3mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla ở mức thấp hơn so với tuần trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng nhẹ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 74%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 22%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế tăng dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ít biến đổi so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 35%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 25%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức tương đương TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/05/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/05/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	54.9	>10	12.1	25.5	35.4	16.9	2	1.6	1	94.5	>48
	Sơn La	27.6	<21	15.8	16.9	27.2	6.9	1.3	0.9	0.1	69.1	>94
	Hòa Bình	51.9	>45	12.7	10.3	13.4	0.2	0.2	0	0	36.8	<13
	Lào Cai	63.1	>98	3.9	21.1	28.2	18.2	0.2	0	0	71.6	>144
	Yên Bái	29.6	>20	8.2	35.8	16.2	6.1	0.4	0	0	66.7	>92
	Tuyên Quang	26.1	<17	1.1	25	15.7	3.3	0.6	0.2	0	45.9	>5
	Hà Giang	34	<4	3.4	12.8	20	8.9	0.8	0.3	0	46.2	<2
	Láng	98.9	>207	19.5	8.3	15.4	1.3	0.3	0	0	44.8	>31
	Thái Bình	15.5	<2	1.8	4.7	1.6	0.3	0.7	0	0	9.1	<68
Nam Định	21.4	>19	17	9.4	2.1	0.7	0.7	0	0	29.9	<30	
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	28.7	>25	4.8	13.6	19	9	14.3	0.1	0	60.8	>25
	Thái Nguyên	88.5	>212	0.4	9.3	7.7	3.1	1.7	0.2	0	22.4	<50
	Bắc Ninh	52	>76	48.7	8	9.1	1.6	1.6	0	0	69	>87
	Lạng Sơn	58.2	>145	7.8	6	2.3	0.7	1.5	0.3	0	18.6	<39
	Bắc Giang	82.2	>280	37.4	6.7	9.6	2	1	0.1	0	56.8	>97
	Hải Dương	25.3	<11	65.8	12.6	11.3	2	1.1	0.1	0	92.9	>172
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hội Xuân	61.3	>118	24.3	14.3	7.1	1	0.6	0.6	0.1	48	>19
	Bái Thượng	33.7	>6	2.6	10.1	1.1	0.9	0.6	0.1	0	15.4	<72
	Thanh Hóa	5.2	<71	1.6	12.5	0.8	0.5	0.7	0.1	0	16.2	<49
	Quỳ Châu	112.3	>247	11.3	11.3	2.4	1.2	1.3	0.2	0.3	28	<41
	Cửa Rào	55	>126	8	5.9	1.1	1.6	1.5	1	0.1	19.2	<43
	Đô Lương	48.8	>84	9.3	9.5	0.4	0.1	1	0.2	0	20.5	<59
	Vinh	10	<45	6.2	2.8	0.2	0.1	0	0.3	0	9.6	<69
Hương Sơn	6.4	<82	5.5	4.3	0.4	0.2	0	0.6	0	11	<80	

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								Tổng	So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7			
	Hương Khê	26.4	<29	6	4.6	1.5	0.5	1.9	0	0.3	14.8	<67	
	Hà Tĩnh	84.6	>312	3.7	2.3	0.4	0.3	0	0	0	6.7	<86	
	Đồng Hới	7.9	<63	3.5	2	1.9	1.5	0.3	0	0.3	9.5	<69	
	Quảng Trị	15.7	<21	0.5	0.6	1	0.3	0.1	0	0.3	2.8	<92	
	Nam Đông	42.9	>81	0.7	0.3	3.1	0.2	1.7	0.7	9	15.7	<67	
	Huế	120.8	>820	0	0.1	0.9	0	1.5	0	7.2	9.7	<55	
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	0	3.3	0.6	0	0	0.1	1.2	5.2	<65	
	Trà My	0.8	<98	0.2	2.2	1.7	0	0.1	0.1	5.5	9.8	<84	
	Ba Tơ	1.6	<94	0	3.1	0.9	0.4	0.6	0.5	1.9	7.4	<83	
	Quảng Ngãi	6.8	<33	0	2.3	1.7	0.1	0.1	0	1.8	6	<64	
	Quy Nhơn	13.1	>30	0.1	2.8	1.2	1.5	0.9	0.3	0.7	7.5	<77	
	An Khê	0	<100	0.1	1.8	0.8	1.4	0.5	1	3.3	8.9	<77	
	Tuy Hòa	8.3	<44	0.5	3.1	3.2	1.4	0.1	0.2	0.5	9	<55	
Nha Trang	7.3	<7	0	3.5	4.1	1	0.1	1.4	2.9	13	<33		
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0	0.4	0.1	0	0.9	0.8	2.1	4.3	<92	
	Lắk	19.3	<61	0	5.7	0.8	1.1	0.5	1.4	0.7	10.2	<74	
	Buôn Mê Thuột	0	<100	0.6	0.1	0	1	0	3.8	5.7	11.2	<67	
	Biên Hòa	15.4	<54	0.2	0.5	2.1	2	2.8	1.5	1.1	10.2	<79	
	Cần Thơ	4.7	<82	0.5	2	7.7	5.9	4.6	1.9	6.6	29.2	<19	

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 08 đến ngày 14/05/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 01/05 đến 07/05	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	13/05	14/05	Tổng	
Thao	Yên Bái	33.26	<81	6	7	6	5	5	4.0	4	37	<78
Lô	Tuyên Quang	53.05	<79	14	16	15	16	14	16.0	21	112	<64
Đà	Hồ Hòa Bình	668.59	>12	137	117	92	101	108	91.0	84	730	>17
Hồng	Hà Nội	804	<4	140	135	130	125	121	116.0	111	878	<15
Cầu	Gia Bảy	88.3	>433	11.84	8.55	5.96	4.84	8.55	10.1	11.84	62	>121
Lục Nam	Chũ	8.47	>48	1.3	1.21	1.56	1.81	2.12	2.4	3.11	14	<6
Mã	Cắm Thủy	110.7	> 14%	18.49	17.97	17.63	17.28	16.93	16.6	16.07	120.96	> 19%
Cả	Yên Thượng	130	~ TBNN	20.34	19.77	19.39	19.01	18.63	18.3	17.68	133.06	< 6%
La	Hòa Duyệt	32.7	~ TBNN	5.27	5.12	5.02	4.92	4.83	4.7	4.58	34.4736	> 21%
Tả Trạch	Thượng Nhật	17.5	> 410	2.5	2.6	2.5	2.7	2.7	2.6	2.6	18.2	> 385
Thu Bồn	Nông Sơn	42.9	< 26	7.3	6.9	6.1	6.5	6.3	6.1	6	45.2	< 32
Trà Khúc	Sơn Giang	39.4	~ TBNN	6	6.7	6.6	6.4	6.5	6.6	6.7	45.5	~ TBNN
Ba	Củng Sơn	9.68	<70	1.3	1.25	1.28	1.23	1.21	1.2	1.25	8.76	<75
Cái N,T	Đông Trảng	13.31	<17	2.25	2.16	2.12	2.07	2.19	2.0	1.9	14.68	<25
ĐăkBlá	KonTum	5.47	< 74	1	0.79	0.86	0.83	0.81	0.8	0.85	5.8	< 77
Srêpôk	Giang Sơn	11.09	< 22	1.41	1.43	1.42	1.44	1.49	1.6	1.5	10.2	< 35
Tiền	Tân Châu			406	397	389	376	359	350.0	346	2622	>25
Hậu	Châu Đốc			57	54	50	46	43	41.0	44	334	~ TBNN